

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán riêng (Mẫu số B 01 - DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng (Mẫu số B 02 - DN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (Mẫu số B 03 - DN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng (Mẫu số B 09 - DN)	9

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

### THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

#### Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp

Số 0200344752 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 5 tháng 3 năm 1999. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp được sửa đổi lần gần nhất vào ngày 11 tháng 7 năm 2018.

*Tại ngày ký báo cáo tài chính riêng này*

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Bùi Quốc Hưng	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 4 tháng 7 năm 2018)
	Ông Kek Chin Ann	Phó chủ tịch (miễn nhiệm Chủ tịch và bổ nhiệm Phó chủ tịch vào ngày 4 tháng 7 năm 2018)
	Ông Mai Xuân Phong	Phó Chủ tịch
	Ông Nguyễn Văn Bình	Thành viên
	Ông Wilson Cheah Hui Pin	Thành viên (bổ nhiệm ngày 4 tháng 12 năm 2018)
	Ông Trần Hoàng Lâm	Thành viên (bổ nhiệm ngày 4 tháng 12 năm 2018)
	Ông Thái Bá Nam	Thành viên (miễn nhiệm ngày 4 tháng 12 năm 2018)
<b>Ban Kiểm soát</b>	Ông Đặng Quốc Việt	Trưởng ban
	Ông Trần Phước Thái	Thành viên
	Ông Ngô Văn Duy Nhất	Thành viên
<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Kek Chin Ann	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 4 tháng 7 năm 2018)
	Ông Oliveiro Michael Leonard	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 4 tháng 7 năm 2018)
	Ông Nguyễn Văn Bình	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2018)
	Bà Phạm Thị Thu Nga	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Chua Seng Beng	Phó Tổng Giám đốc
<b>Người đại diện theo Pháp luật</b>	Ông Bùi Quốc Hưng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (bổ nhiệm ngày 4 tháng 7 năm 2018)
	Ông Kek Chin Ann	Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị (miễn nhiệm ngày 4 tháng 7 năm 2018)
<b>Trụ sở chính</b>	Số 71, Lê Lai, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng, Việt Nam	
<b>Công ty kiểm toán</b>	Công ty TNHH PwC (Việt Nam)	

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

### TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Người đại diện theo Pháp luật của Công ty ủy quyền cho Tổng Giám đốc ký báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long ("Công ty") theo Giấy Ủy quyền số 09/2018/UQ-DHHL ngày 10 tháng 7 năm 2018.

Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi giả định đơn vị hoạt động liên tục là không phù hợp.

Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của báo cáo tài chính riêng. Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý ngăn ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

### PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Theo đây, tôi phê chuẩn báo cáo tài chính riêng đính kèm từ trang 5 đến trang 37. Báo cáo tài chính riêng này thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng này nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con.



Kek Chin Ann  
Tổng Giám đốc  
Chữ ký được ủy quyền

Hải Phòng, nước CHXHCN Việt Nam  
Ngày 22 tháng 3 năm 2019

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long (“Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2018, và được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt ngày 22 tháng 3 năm 2019. Báo cáo tài chính riêng này bao gồm: bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính riêng bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 37.

### **Trách nhiệm của Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc của Công ty, Người được Người đại diện theo Pháp luật ủy quyền, chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán (Doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Mặc dù không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi lưu ý đến thuyết minh số 2.15 của báo cáo tài chính riêng cho thấy tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty không ghi nhận dự phòng trợ cấp thôi việc cho người lao động với số tiền là 6.951.744 nghìn đồng do áp dụng Thông tư số 180/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012. Việc áp dụng Thông tư này dẫn đến sự khác biệt với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 - *Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng*.

### Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Nguyễn Phi Lan  
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0573-2018-006-1  
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo soát xét: HAN 2153  
Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2019



Nguyễn Cẩm Ly  
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 3067-2019-006-1




## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2018 VND	2017 VND
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>126.980.124.307</b>	<b>119.338.882.272</b>
<b>110</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>6.024.108.280</b>	<b>46.598.545.981</b>
111	Tiền		6.024.108.280	21.022.397.601
112	Các khoản tương đương tiền		-	25.576.148.380
<b>120</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>-</b>	<b>5.386.199.800</b>
121	Chứng khoán kinh doanh	4(a)	-	5.648.780.000
122	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		-	(262.580.200)
<b>130</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>14.054.735.032</b>	<b>11.043.235.385</b>
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5(a)	13.117.324.960	8.662.198.465
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.713.456.929	2.384.559.098
136	Phải thu ngắn hạn khác	6	6.871.023.217	7.456.067.818
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(7.936.134.541)	(7.495.484.843)
139	Tài sản thiếu chờ xử lý		289.064.467	35.894.847
<b>140</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>105.439.415.916</b>	<b>55.129.607.771</b>
141	Hàng tồn kho		110.456.622.070	58.646.650.351
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(5.017.206.154)	(3.517.042.580)
<b>150</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>1.461.865.079</b>	<b>1.181.293.335</b>
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	9(a)	985.576.496	685.004.752
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13(a)	476.288.583	496.288.583
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>60.861.320.782</b>	<b>62.025.815.101</b>
<b>210</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>3.771.041.926</b>	<b>4.348.598.951</b>
211	Phải thu dài hạn của khách hàng	5(b)	3.174.470.361	3.968.087.951
216	Phải thu dài hạn khác		596.571.565	380.511.000
<b>220</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>35.110.722.231</b>	<b>34.788.448.922</b>
221	Tài sản cố định hữu hình	10(a)	22.511.693.355	22.800.776.720
222	Nguyên giá		96.727.804.422	103.696.015.483
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(74.216.111.067)	(80.895.238.763)
227	Tài sản cố định vô hình	10(b)	12.599.028.876	11.987.672.202
228	Nguyên giá		12.736.272.202	11.987.672.202
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(137.243.326)	-
<b>240</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>630.272.590</b>
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	-	630.272.590
<b>250</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>15.110.926.449</b>	<b>15.110.926.449</b>
251	Đầu tư vào công ty con	4(b)	15.110.926.449	15.110.926.449
<b>260</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>6.868.630.176</b>	<b>7.147.568.189</b>
261	Chi phí trả trước dài hạn	9(b)	6.868.630.176	7.147.568.189
<b>270</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>187.841.445.089</b>	<b>181.364.697.373</b>


Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 37 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2018 VND	2017 VND (Trình bày lại - Thuyết minh 36)
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>89.744.580.022</b>	<b>70.941.390.725</b>
<b>310</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>83.278.803.604</b>	<b>64.585.574.372</b>
311	Phải trả người bán ngắn hạn	12	38.656.554.193	44.149.037.996
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		4.450.871.011	2.913.338.824
313	Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước	13(b)	7.871.647.094	7.429.040.543
314	Phải trả người lao động		2.682.751.642	1.496.014.730
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	14	4.952.272.846	3.600.307.339
319	Phải trả ngắn hạn khác	15	1.750.706.733	2.019.972.575
320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	19.999.575.520	-
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	17	2.914.424.565	2.977.862.365
<b>330</b>	<b>Nợ dài hạn</b>		<b>6.465.776.418</b>	<b>6.355.816.353</b>
337	Phải trả dài hạn khác		282.500.163	282.500.163
342	Dự phòng phải trả dài hạn	18	6.183.276.255	6.073.316.190
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>98.096.865.067</b>	<b>110.423.306.648</b>
<b>410</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>		<b>98.096.865.067</b>	<b>110.423.306.648</b>
411	Vốn góp của chủ sở hữu	20,21	50.000.000.000	50.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		50.000.000.000	50.000.000.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	21	15.753.387.350	15.753.387.350
418	Quỹ đầu tư phát triển	21	29.020.260.148	29.020.260.148
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	21	3.323.217.569	15.649.659.150
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		10.649.659.150	15.761.917.515
421b	- Lỗ sau thuế chưa phân phối năm nay		(7.326.441.581)	(112.258.365)
<b>440</b>	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>		<b>187.841.445.089</b>	<b>181.364.697.373</b>

  
 Vũ Thị Hương Quỳnh  
 Kế toán trưởng/Người lập



  
 Kék Chin Ann  
 Tổng Giám đốc  
 Chữ ký được ủy quyền  
 Ngày 22 tháng 3 năm 2019

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 37 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng.



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2018 VND	2017 VND
01 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		377.954.506.199	304.541.855.851
02 Các khoản giảm trừ doanh thu		(2.691.613.462)	(549.959.707)
10 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	375.262.892.737	303.991.896.144
11 Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	25	(286.968.229.452)	(231.820.842.588)
20 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		88.294.663.285	72.171.053.556
21 Doanh thu hoạt động tài chính	26	5.144.641.375	883.957.089
22 Chi phí tài chính	27	(98.499.287)	3.023.916.000
23 - Trong đó: chi phí lãi vay		(219.152.185)	-
25 Chi phí bán hàng	28	(74.054.919.560)	(51.489.657.672)
26 Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	(27.668.975.351)	(23.895.523.845)
30 (Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(8.383.089.538)	693.745.128
31 Thu nhập khác		1.333.886.715	440.158.696
32 Chi phí khác		(257.238.758)	(712.679.967)
40 Lợi nhuận/(lỗ) khác		1.076.647.957	(272.521.271)
50 Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế		(7.306.441.581)	421.223.857
51 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	30	(20.000.000)	(533.482.222)
52 Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60 Lỗ sau thuế TNDN		(7.326.441.581)	(112.258.365)

L

Vũ Thị Hương Quỳnh  
Kế toán trưởng/Người lập



Kek Chin Ann  
Tổng Giám đốc  
Chữ ký được ủy quyền  
Ngày 22 tháng 3 năm 2019

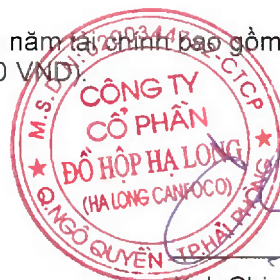
Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 37 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng.

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

		Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	(Lỗ)/lợi nhuận trước thuế	(7.306.441.581)	421.223.857
Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định	4.548.176.691	5.538.709.314
03	Các khoản dự phòng	1.678.233.072	(457.121.840)
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(9.713.384)	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(1.312.343.462)	(1.073.227.089)
06	Chi phí lãi vay	219.152.185	-
08	(Lỗ)/lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	(2.182.936.479)	4.429.584.242
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu	(2.854.592.320)	8.310.221.782
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho	(51.809.971.719)	8.531.151.329
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả	(885.236.423)	25.072.676.386
12	Tăng chi phí trả trước	(21.633.731)	(6.150.866.275)
13	Giảm chứng khoán kinh doanh	5.648.780.000	-
14	Tiền lãi vay đã trả	(219.152.185)	-
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	-	(1.508.194.025)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(63.437.800)	(880.752.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(52.388.180.657)	37.803.821.439
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(4.551.550.000)	(790.486.050)
22	Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	718.866.819	233.145.000
27	Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	635.749.233	883.957.089
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(3.196.933.948)	326.616.039
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Thu từ vay ngắn hạn, dài hạn	19.999.575.520	-
36	Chi trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu	(4.998.612.000)	(2.486.951.250)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	15.000.963.520	(2.486.951.250)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(40.584.151.085)	35.643.486.228
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	46.598.545.981	10.955.059.753
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	9.713.384	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	6.024.108.280	46.598.545.981

Các giao dịch trọng yếu không sử dụng tiền mặt trong năm tài chính bao gồm các khoản phải trả về việc mua tài sản cố định là 0 VND (2017: 269.100.000 VND).

Vũ Thị Hương Quỳnh  
Kế toán trưởng/Người lập



Kek Chin Ann  
Tổng Giám đốc  
Chữ ký được ủy quyền  
Ngày 22 tháng 3 năm 2019

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 37 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018****1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long ("Công ty") được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0200344752 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 5 tháng 3 năm 1999. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi lần gần nhất cấp ngày 11 tháng 7 năm 2018.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm: sản xuất, chế biến, đóng hộp và xuất khẩu các mặt hàng thủy, hải sản, súc sản đông lạnh và các thực phẩm khác.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

Theo Nghị quyết của Hội đồng Thành viên số 21/2017/NQ-HĐQT, số 22/2017/NQ-HĐQT và số 27/2017/NQ-HĐQT ngày 6 tháng 10 năm 2017, Ban Lãnh đạo đã quyết định đóng cửa ba chi nhánh:

- Chi nhánh tại TP Đà Nẵng, địa chỉ tại 150 Đồng Đa, Phường Thuận Phước, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam;
- Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh, địa chỉ tại số 30 Lý Long Tường, Khu phố Mỹ Quang – H30, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; và
- Chi nhánh tại TP Hà Nội, địa chỉ tại số 80B Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, các thủ tục đóng cửa chi nhánh tại TP Hà Nội đã hoàn thành. Các thủ tục đóng cửa chi nhánh tại Đà Nẵng và TP Hồ Chí Minh vẫn đang được tiến hành.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có hai công ty con như sau:

<b>Công ty con</b>	<b>Ngành nghề kinh doanh</b>	<b>Tỷ lệ sở hữu</b>
Công ty TNHH MTV Thực phẩm Đồ hộp Hạ Long – Đà Nẵng	Chế biến, bảo quản cá và các sản phẩm từ cá, thịt và các sản phẩm từ thịt, rau củ quả, sản phẩm thức ăn gia súc, gia cầm và các mặt hàng thủy hải sản.	100%
Trường mầm non Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long	Dịch vụ chăm sóc trẻ và giáo dục mầm non	100%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có 575 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 478 nhân viên).

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU****2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam. Báo cáo tài chính riêng được soạn lập theo nguyên tắc giá gốc.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Ngoài ra, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính của công ty con đã được hợp nhất đầy đủ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng của Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty và công ty con.

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, lỗ kế toán sau thuế của Công ty là VND 7.326.441.581 (2017: VND 112.258.365) và tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư tiền và các khoản tương đương tiền của Công ty là 6.024.108.280 Đồng Việt Nam (2017: 46.598.545.981 Đồng Việt Nam) và hợp đồng tín dụng hiện tại với hạn mức là 20.000.000.000 Đồng Việt Nam sẽ đáo hạn vào ngày 02 tháng 10 năm 2019. Khả năng Công ty huy động đủ nguồn tiền để duy trì hoạt động trong vòng 12 tháng tới kể từ ngày của bảng cân đối kế toán phụ thuộc vào việc Công ty đạt được doanh thu dự kiến và hợp đồng tín dụng hiện tại được gia hạn. Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Công ty sẽ đạt được doanh thu dự kiến và Hợp đồng tín dụng hiện tại sẽ được gia hạn hoặc Công ty sẽ đạt được các thỏa thuận tài chính khác, đảm bảo có đủ nguồn tiền để thanh toán tất cả các nghĩa vụ tài chính khi tới hạn. Do đó, báo cáo tài chính của Công ty được soạn lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

**2.2 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính riêng là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "đồng").

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****2.4 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

**2.5 Khoản phải thu khách hàng**

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

**2.6 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phải lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

**2.7 Đầu tư****(a) Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán do Công ty nắm giữ cho mục đích kinh doanh và được nắm giữ chủ yếu cho mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán kinh doanh được lập khi giá gốc cao hơn giá trị thị trường của các khoản chứng khoán kinh doanh này.

Lãi và lỗ từ việc thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

**(b) Đầu tư vào công ty con**

Công ty con là những doanh nghiệp mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không.

Đầu tư vào công ty con được hạch toán theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**2.8 Tài sản cố định**

*Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

*Khấu hao*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính hoặc theo thời hạn của Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp nếu ngắn hơn. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	4% - 17%
Máy móc thiết bị	8% - 50%
Phương tiện vận tải	10% - 25%
Phần mềm máy tính	20%

Quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không khấu hao.

*Thanh lý*

Lãi và lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

**2.9 Thuê tài sản**

Thuê hoạt động tài sản cố định là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**2.10 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**2.11 Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán.

**2.12 Vay và nợ thuê tài chính**

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm các khoản tiền vay và nợ thuê tài chính từ các ngân hàng, tổ chức tài chính, công ty tài chính và các đối tượng khác.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay và nợ thuê tài chính tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**2.13 Chi phí phải trả**

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

**2.14 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

**2.15 Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Công ty đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**2.15 Dự phòng trợ cấp thôi việc (tiếp theo)**

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi kỳ báo cáo theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày lập bảng cân đối kế toán này.

Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

Công ty đã không ghi nhận khoản dự phòng trợ cấp thôi việc nêu trên do áp dụng Thông tư số 180/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012. Việc áp dụng Thông tư này dẫn đến sự khác biệt với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 - *Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng*. Nếu Công ty áp dụng Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, khoản dự phòng trợ cấp thôi việc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cần phải lập là 6.951.744 nghìn đồng Việt Nam (31.12.2017: 6.654.619 nghìn đồng Việt Nam).

**2.16 Dự phòng cho các khoản chi phí khôi phục và hoàn trả mặt bằng**

Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014, dự phòng cho các khoản chi phí khôi phục phát sinh khi hoàn trả mặt bằng và đất thuê được xác định bằng giá trị hiện tại của tổng ước tính chi phí cần thiết để hoàn tất nghĩa vụ thu dọn, khôi phục và hoàn trả mặt bằng vào cuối thời hạn thuê. Giá trị dự phòng tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay của kỳ báo cáo. Do việc ghi nhận nghĩa vụ thu dọn, khôi phục và hoàn trả mặt bằng đem lại những lợi ích kinh tế trong tương lai, một khoản mục tài sản tương ứng được ghi nhận vào tài khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng qua suốt thời gian kể từ ngày trích lập dự phòng đến khi hoàn trả mặt bằng.

**2.17 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần: là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

**2.18 Phân chia lợi nhuận thuần**

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ như sau:

**(a) Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**2.18 Phân chia lợi nhuận thuần (tiếp theo)**

**(b) Quỹ khen thưởng phúc lợi**

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông.

**2.19 Ghi nhận doanh thu**

**(a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa. Trường hợp Công ty dùng thành phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Công ty thì Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán.

**(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**(c) Doanh thu cho thuê tài sản**

Doanh thu cho thuê tài sản dưới hình thức thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời gian cho thuê đã thực hiện.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**2.19 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

**(d) Thu nhập lãi**

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

**(e) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

**2.20 Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại và hàng bán trả lại. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính riêng được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

**2.21 Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ**

Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

**2.22 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, chi phí đi vay vốn.

**2.23 Chi phí bán hàng**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm chủ yếu bao gồm các chi phí lương nhân viên bán hàng, chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, chi phí đóng gói và vận chuyển.

**2.24 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê nhà máy; dịch vụ mua ngoài và chi phí khác.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****2.25 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính riêng và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong năm mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

**2.26 Chia cổ tức**

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính riêng của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội Cổ đông.

**2.27 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Giám đốc Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**2.28 Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

**3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	2018 VND	2017 VND
Tiền mặt	414.062.038	522.694.406
Tiền gửi ngân hàng (*)	5.610.046.242	20.499.703.195
Các khoản tương đương tiền	-	25.576.148.380
	6.024.108.280	46.598.545.981

(\*) Bao gồm trong tiền gửi ngân hàng là khoản tiền giá trị 800 triệu Đồng giữ hộ Trường mầm non Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long – một công ty con của Công ty (Thuyết minh 15).



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG**

Mẫu số B 09 - DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018**

**4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**(a) Chứng khoán kinh doanh**

	2018			2017		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Quân đội	-	-	-	3.142.610.000	2.880.029.800	262.580.200
Cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	-	-	2.506.170.000	7.093.984.000	-
	-	-	-	5.648.780.000	9.974.013.800	262.580.200

Trong tháng 10 năm 2018, Công ty đã bán hết toàn bộ chứng khoán kinh doanh năm giữ (Thuyết minh 26).

**(b) Đầu tư vào công ty con**

	2018			2017		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH MTV Thực phẩm Đồ hộp Hạ Long – Đà Nẵng (Thuyết minh 32(b))	15.000.000.000	15.000.000.000	-	15.000.000.000	15.000.000.000	-
Trường mầm non Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long (Thuyết minh 32(b))	110.926.449	110.926.449	-	110.926.449	110.926.449	-
	15.110.926.449	15.110.926.449	-	15.110.926.449	15.110.926.449	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018**

**5 PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

**(a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<b>2018 VND</b>	<b>2017 VND</b>
Bên thứ ba	12.323.707.370	7.868.580.875
Bên liên quan (Thuyết minh 5(b))	793.617.590	793.617.590
	<u>13.117.324.960</u>	<u>8.662.198.465</u>
Dự phòng phải thu khó đòi (Thuyết minh 7)	(1.350.147.461)	(885.479.363)
	<u>11.767.177.499</u>	<u>7.776.719.102</u>

Chi tiết cho những khách hàng chiếm từ 10% trở lên trong tổng phải thu của khách hàng như sau:

	<b>2018 VND</b>	<b>2017 VND</b>
Công ty TNHH Dịch vụ EB	3.460.670.378	2.633.060.121
Công ty TNHH Metro Cash & Carry Việt Nam	552.200.232	1.043.086.947
Công ty cổ phần dịch vụ thương mại tổng hợp Vincommerce	2.245.553.229	-

**(b) Phải thu dài hạn của khách hàng**

	<b>2018 VND</b>	<b>2017 VND</b>
Số dư đầu năm	3.968.087.951	4.761.705.541
Chuyển sang phải thu ngắn hạn (Thuyết minh 5(a))	(793.617.590)	(793.617.590)
Số dư cuối năm (*) (Thuyết minh 32(b))	<u>3.174.470.361</u>	<u>3.968.087.951</u>

(\*) Đây là khoản phải thu Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long - Đà Nẵng, công ty con, liên quan đến việc bán máy móc thiết bị theo hợp đồng số 877-HĐMB/ĐHHL/2012 ngày 1 tháng 9 năm 2012 với giá trị 8.994.332.688 Đồng Việt Nam và được thanh toán trong 12 kỳ thanh toán, bắt đầu từ ngày 1 tháng 9 năm 2012 đến ngày 31 tháng 3 năm 2024.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018**

**6 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>2018 VND</b>	<b>2017 VND</b>
Phải thu từ các cá nhân liên quan đến thuế GTGT (*)	5.458.254.250	5.458.254.250
Tạm ứng công tác phí và chi phí tiếp khách	183.405.783	846.062.338
Các khoản khác	1.229.363.184	1.151.751.230
	<u>6.871.023.217</u>	<u>7.456.067.818</u>
Dự phòng phải thu khó đòi (Thuyết minh 7)	(6.585.987.080)	(6.610.005.480)
Trong đó:		
- Dự phòng cho khoản phải thu từ các cá nhân liên quan đến thuế GTGT (*)	(5.458.254.250)	(5.458.254.250)
- Dự phòng cho khoản phải thu khác	(1.127.732.830)	(1.151.751.230)
	<u>285.036.137</u>	<u>846.062.338</u>

(\*) Phải thu từ các cá nhân và dự phòng tương ứng liên quan đến thuế GTGT phải nộp Nhà nước là 5.458.254.250 Đồng Việt Nam được ghi nhận phù hợp với bản án phúc thẩm số 03/HSPT ngày 12 tháng 1 và 13 tháng 1 năm 2005 do Tòa án Nhân dân Tối cao – Tòa Phúc Thẩm tại Hà Nội ban hành.

**7 NỢ XẤU**

Dự phòng cho các khoản nợ phải thu khó đòi được trình bày như sau:

	<b>2018</b>		
	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Giá trị có thể thu hồi VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán cần lập dự phòng:			
i) Phải thu khách hàng (Thuyết minh 5(a))	13.117.324.960	11.767.177.499	1.350.147.461
ii) Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 6)	6.871.023.217	285.036.137	6.585.987.080
	<u>19.988.348.177</u>	<u>12.052.213.636</u>	<u>7.936.134.541</u>
	<b>2017</b>		
	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Giá trị có thể thu hồi VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán cần lập dự phòng:			
i) Phải thu khách hàng (Thuyết minh 5(a))	8.662.198.465	7.776.719.102	885.479.363
ii) Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 6)	7.456.067.818	846.062.338	6.610.005.480
	<u>16.118.266.283</u>	<u>8.622.781.440</u>	<u>7.495.484.843</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018**

**7 NỢ XẤU (TIẾP THEO)**

Biến động về dự phòng cho các khoản nợ phải thu khó đòi trong năm như sau:

	<b>2018 VND</b>	<b>2017 VND</b>
Số dư đầu năm	7.495.484.843	7.501.882.354
Tăng/(hoàn nhập) dự phòng	440.649.698	(6.397.511)
Số dư cuối năm	<u>7.936.134.541</u>	<u>7.495.484.843</u>

**8 HÀNG TỒN KHO**

	<b>2018</b>		<b>2017</b>	
	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>
Hàng đang đi trên đường	3.164.045.520	-	8.254.045	-
Nguyên vật liệu tồn kho	57.638.141.538	(1.919.397.382)	26.170.276.847	(2.763.076.081)
Công cụ, dụng cụ trong kho	2.387.365.123	(21.085.790)	1.519.153.596	-
Chi phí SXKD dở dang	881.095.599	-	2.306.182.484	-
Thành phẩm tồn kho	28.263.182.192	(3.076.722.982)	19.735.809.379	(753.966.499)
Hàng hóa	18.122.792.098	-	8.906.974.000	-
	<u>110.456.622.070</u>	<u>(5.017.206.154)</u>	<u>58.646.650.351</u>	<u>(3.517.042.580)</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(5.017.206.154)		(3.517.042.580)	
	<u>105.439.415.916</u>		<u>55.129.607.771</u>	

Biến động về dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	<b>2018 VND</b>	<b>2017 VND</b>
Số dư đầu năm	3.517.042.580	943.366.909
Tăng dự phòng	4.053.263.002	2.573.675.671
Hoàn nhập	(753.966.499)	-
Xóa sổ	(1.799.132.929)	-
Số dư cuối năm	<u>5.017.206.154</u>	<u>3.517.042.580</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018**

**9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<b>2018 VND</b>	<b>2017 VND</b>
<b>(a) Chi phí trả trước ngắn hạn</b>		
Chi phí mua bảo hiểm	-	178.325.599
Chi phí sửa chữa và bảo dưỡng	139.997.830	224.549.653
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	845.578.666	282.129.500
	<u>985.576.496</u>	<u>685.004.752</u>
<b>(b) Chi phí trả trước dài hạn</b>		
Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng	99.756.095	389.101.513
Nghĩa vụ khôi phục và hoàn trả mặt bằng	5.874.112.442	6.073.316.190
Chi phí trả trước dài hạn khác	894.761.639	685.150.486
	<u>6.868.630.176</u>	<u>7.147.568.189</u>

Biến động chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	<b>2018 VND</b>	<b>2017 VND</b>
Số dư đầu năm	7.147.568.189	1.584.708.511
Tăng trong năm	938.134.127	6.724.982.972
Phân bổ trong năm	(1.217.072.140)	(1.162.123.294)
Số dư cuối năm	<u>6.868.630.176</u>	<u>7.147.568.189</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	35.413.122.658	60.333.555.409	5.612.486.396	2.336.851.020	103.696.015.483
Tăng (Thuyết minh 11) (*)	194.000.000	3.927.850.000	-	-	4.121.850.000
Thanh lý (**)	(1.467.136.474)	(7.461.474.587)	(2.161.450.000)	-	(11.090.061.061)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	34.139.986.184	56.799.930.822	3.451.036.396	2.336.851.020	96.727.804.422
<b>Khấu hao lũy kế</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	31.679.569.667	41.889.853.018	5.014.177.225	2.311.638.853	80.895.238.763
Khấu hao trong năm	924.694.396	3.351.672.984	121.689.996	12.875.989	4.410.933.365
Thanh lý	(1.467.136.474)	(7.461.474.587)	(2.161.450.000)	-	(11.090.061.061)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	31.137.127.589	37.780.051.415	2.974.417.221	2.324.514.842	74.216.111.067
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	3.733.552.991	18.443.702.391	598.309.171	25.212.167	22.800.776.720
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	3.002.858.595	19.019.879.407	476.619.175	12.336.178	22.511.693.355

Nguyên giá TSCĐ hữu hình của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng và không còn sử dụng lần lượt là 47.756.711.781 Đồng Việt Nam và 8.417.209.491 Đồng Việt Nam (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: lần lượt là 42.733.109.059 Đồng Việt Nam và 10.786.009.709 Đồng Việt Nam).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tài sản cố định hữu hình của Công ty với tổng giá trị còn lại là 11.051.938.018 Đồng Việt Nam (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 0 Đồng Việt Nam) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng (Thuyết minh 16).

(\*) Máy móc, thiết bị mua mới trong năm bao gồm các máy xay thịt, máy nhồi xúc xích, thiết bị làm lạnh.

(\*\*) Máy móc, thiết bị thanh lý trong năm bao gồm các máy bao gói xúc xích, máy thanh trùng, được thanh lý theo quyết định số 01/2018/BB - HĐQT ngày 05 tháng 03 năm 2018 và Quyết định số 89/2018/QĐ-ĐHHL ngày 19 tháng 04 năm 2018.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018**

**10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (TIẾP THEO)**

**(b) Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	11.987.672.202	-	11.987.672.202
Tăng (Thuyết minh 11)	-	748.600.000	748.600.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	11.987.672.202	748.600.000	12.736.272.202
<b>Khấu hao lũy kế</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	-	-	-
Khấu hao trong năm	-	137.243.326	137.243.326
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	-	137.243.326	137.243.326
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	11.987.672.202	-	11.987.672.202
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	11.987.672.202	611.356.674	12.599.028.876

(\*) Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định với mục đích ban đầu để xây dựng nhà máy, bao gồm:

- i) Quyền sử dụng đất cho lô đất có diện tích 10.306 m<sup>2</sup> tại lô C3-4 và C3-5 thuộc khu Công nghiệp Dịch vụ Thủy sản Thọ Quang, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng với giá trị ghi sổ là 11.259 triệu Đồng Việt Nam;
- ii) Quyền sử dụng đất cho lô đất có diện tích 290,7 m<sup>2</sup> tại thửa số 1 địa chỉ số 43/1 đường Phước Long, phường Phước Long, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa với giá trị ghi sổ là 729 triệu Đồng Việt Nam.

Ngày 20 tháng 7 năm 2016, Công ty đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 77/2016/VCB ĐN với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Đà Nẵng, thế chấp quyền sử dụng lô đất tại Đà Nẵng (giá trị ghi sổ là 11.259 triệu Đồng Việt Nam) làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long – Đà Nẵng, công ty con, với Ngân hàng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018**

**11 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Chi tiết xây dựng cơ bản dở dang theo từng dự án như sau:

	<b>2018 VND</b>	<b>2017 VND</b>
Xây dựng nhà kho dở dang	-	42.272.590
Phần mềm tin học đang trong quá trình chạy thử và chỉnh sửa	-	588.000.000
	<u>-</u>	<u>630.272.590</u>

Biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	<b>2018 VND</b>	<b>2017 VND</b>
Số dư đầu năm	630.272.590	483.272.590
Tăng	4.282.450.000	201.000.000
Chuyển sang TSCĐ hữu hình (Thuyết minh 10(a))	(4.121.850.000)	(54.000.000)
Chuyển sang TSCĐ vô hình (Thuyết minh 10(b))	(748.600.000)	-
Chuyển sang chi phí	(42.272.590)	-
Số dư cuối năm	<u>-</u>	<u>630.272.590</u>

**12 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<b>2018 VND</b>	<b>2017 VND</b>
Bên thứ ba	26.653.902.149	27.120.829.646
Bên liên quan (Thuyết minh 32(b))	12.002.652.044	17.028.208.350
	<u>38.656.554.193</u>	<u>44.149.037.996</u>

Chi tiết cho những nhà cung cấp chiếm từ 10% trở lên trong tổng phải trả người bán ngắn hạn như sau:

	<b>2018 VND</b>	<b>2017 VND</b>
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thực phẩm Hạ Long	8.280.698.080	623.436.000
Công ty TNHH Xuân Việt	<u>3.386.024.400</u>	<u>4.822.117.245</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018**

**13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

Biến động về thuế và các khoản khác phải thu/nộp ngân sách Nhà Nước trong năm như sau:

	Tại ngày 1.1.2018 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số thực nộp trong năm VND	Tại ngày 31.12.2018 VND
<b>a) Phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	496.288.583	(20.000.000)	-	476.288.583
<b>b) Phải nộp</b>				
Thuế GTGT hàng bán nội địa	324.586.414	19.679.305.429	(18.071.596.771)	1.932.295.072
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	46.157.643	(46.157.643)	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	13.789.843	(13.789.843)	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.126.799.198	2.432.708.304	(3.328.037.218)	231.470.284
Thuế nhà đất	-	99.687.000	(99.687.000)	-
Tiền thuê đất (*)	-	901.647.000	(901.647.000)	-
Thuế môn bài	-	4.000.000	(4.000.000)	-
Thuế GTGT (**)	5.098.254.250	-	(360.000.000)	4.738.254.250
Phạt nộp chậm thuế GTGT	879.400.681	90.226.807	-	969.627.488
	<u>7.429.040.543</u>	<u>23.267.522.026</u>	<u>(22.824.915.475)</u>	<u>7.871.647.094</u>

(\*) Khoản mục này là tiền thuê đất phải trả cho Nhà nước theo Hợp đồng thuê đất số 11/HĐ/TĐ ký ngày 15 tháng 3 năm 1999 giữa Công ty và Sở Địa chính Thành phố Hải Phòng, liên quan tới ba lô đất tại địa chỉ số 39, 43A và 43B phố Lê Lai, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng với tổng diện tích là 62.740,2 m<sup>2</sup>, thời hạn thuê đất là 40 năm kể từ ngày 1 tháng 3 năm 1999. Tiền thuê đất trả hàng năm được thông báo bởi Chi cục thuế quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

(\*\*) Khoản mục này phản ánh số thuế giá trị gia tăng phải nộp Ngân sách Nhà nước theo bản án phúc thẩm số 03/HSPT ngày 12 và 13 tháng 1 năm 2005 do Tòa án Nhân dân Tối cao – Tòa Phúc Thẩm tại Hà Nội ban hành (Thuyết minh số 6). Trong năm, Công ty đã trả 360 triệu đồng cho cơ quan thuế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018**

**14 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<b>2018 VND</b>	<b>2017 VND</b>
Chi phí hỗ trợ nhà phân phối	2.083.926.328	1.035.376.862
Chi phí thưởng cho nhân viên	2.678.732.049	2.073.729.521
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	189.614.469	491.200.956
	<u>4.952.272.846</u>	<u>3.600.307.339</u>

**15 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>2018 VND</b>	<b>2017 VND</b>
Phải trả Trường mầm non Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long (Thuyết minh 32(b))	800.000.000	800.000.000
Kinh phí công đoàn	285.681.316	413.408.844
Cổ tức phải trả (Thuyết minh 22)	67.739.500	66.351.500
Khác	597.285.917	740.212.231
	<u>1.750.706.733</u>	<u>2.019.972.575</u>

**16 CÁC KHOẢN VAY**

	<b>Tại ngày 1.1.2018 VND</b>	<b>Tăng VND</b>	<b>Giảm VND</b>	<b>Tại ngày 31.12.2018 VND</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh Nam Hải Phòng (*)	-	19.999.575.520	-	19.999.575.520

(\*) Ngày 2 tháng 10 năm 2018, Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long ký Hợp đồng Tín dụng theo hạn mức số 22/2018/HDTD-HM-CAN với ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam -Chi nhánh Nam Hải Phòng để phục vụ cho sản xuất kinh doanh. Hạn mức tín dụng 20.000.000.000 Đồng Việt Nam. Thời gian duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng. Gốc vay trả trong vòng 4 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi vay trả hàng tháng với lãi suất trong năm là 6,5% một năm.

Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản thế chấp bao gồm một số tài sản cố định hữu hình theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 22/2018/HĐTC-CAN và 22-A/2018/HĐTC-CAN đề ngày 02/10/2018 với tổng giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 11.051.938.018 triệu Đồng Việt Nam (Thuyết minh 10(a));

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018**

**17 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông Thường niên. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	2.977.862.365	3.498.614.365
Sử dụng quỹ trong năm	(63.437.800)	(520.752.000)
Số dư cuối năm	<u>2.914.424.565</u>	<u>2.977.862.365</u>

**18 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

	2018 VND	2017 VND
Dự phòng khôi phục và hoàn trả mặt bằng (*)	<u>6.183.276.255</u>	<u>6.073.316.190</u>

(\*) Đây là khoản dự phòng chi phí khôi phục và hoàn trả mặt bằng cho khu đất thuê của Công ty khi kết thúc thời hạn thuê tại số 71, Lê Lai, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam theo Hợp đồng thuê đất số 11/HĐ/TĐ ký ngày 15 tháng 3 năm 1999 giữa Công ty và Sở Địa chính Thành phố Hải Phòng, theo đó Công ty có nghĩa vụ khôi phục và hoàn trả mặt bằng vào cuối thời hạn hợp đồng thuê. Việc thu dọn bao gồm tháo dỡ các tài sản của Công ty trên khu đất nêu trên và phục hồi khu đất về trạng thái ban đầu.

Công ty ghi nhận nghĩa vụ khôi phục và hoàn trả mặt bằng sau khi điều chỉnh ước tính mà nhà thầu xây dựng thực hiện tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, dựa trên các giả định sau: (i) ước tính của nhà thầu xây dựng sẽ tăng thêm hàng năm theo tỷ lệ lạm phát dự tính 5,37% một năm; và (ii) giá trị hiện tại của tổng ước tính cần thiết để hoàn tất nghĩa vụ khôi phục và hoàn trả mặt bằng được chiết khấu về hiện tại theo lãi suất 5,5% một năm (ví dụ: lãi suất trái phiếu Chính phủ 20 năm).

**19 THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

Các khoản lỗ tính thuế có thể được chuyển sang để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai trong vòng 5 năm liên tiếp kể từ năm ngay sau năm phát sinh lỗ. Số lỗ thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Các khoản lỗ ước tính có thể bù trừ vào thu nhập chịu thuế trong tương lai của Công ty như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018**

**19 THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI (TIẾP THEO)**

Năm phát sinh lỗ	Tình trạng kiểm tra của các cơ quan thuế	Số lỗ phát sinh VND	Số lỗ tính thuế đã được sử dụng VND	Số lỗ còn được chuyển sang các năm tính thuế sau VND
2018	Chưa quyết toán	4.231.900.346	-	4.231.900.346

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản lỗ tính thuế trên vì khả năng Công ty có thu nhập chịu thuế trong tương lai để bù trừ với những khoản lỗ tính thuế này được đánh giá là không chắc chắn.

**20 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU****(a) Số lượng cổ phiếu**

	2018 Cổ phiếu phổ thông	2017 Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000

**(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	2018		2017	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Phần vốn nhà nước	1.387.360	27,75	1.387.360	27,75
Phần vốn của các đối tượng khác	3.612.640	72,25	3.612.640	72,25
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	5.000.000	100	5.000.000	100

**(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần**

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	5.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	5.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	5.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 Đồng Việt Nam.





CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

21 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	50.000.000.000	15.753.387.350	29.020.260.148	18.261.917.515	113.035.565.013
Lỗi trong năm	-	-	-	(112.258.365)	(112.258.365)
Chia cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	(2.500.000.000)	(2.500.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	50.000.000.000	15.753.387.350	29.020.260.148	15.649.659.150	110.423.306.648
Lỗi trong năm	-	-	-	(7.326.441.581)	(7.326.441.581)
Chia cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	50.000.000.000	15.753.387.350	29.020.260.148	3.323.217.569	98.096.865.067



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018**

**22 CỐ TỨC**

Biến động của cổ tức phải trả trong năm như sau:

	<b>2018 VND</b>	<b>2017 VND</b>
Số dư đầu năm	66.351.500	53.302.750
Cổ tức phải trả trong năm (Thuyết minh 21) (*)	5.000.000.000	2.500.000.000
Cổ tức đã chi trả bằng tiền	(4.998.612.000)	(2.486.951.250)
Số dư cuối năm	<u>67.739.500</u>	<u>66.351.500</u>

(\*) Trong năm, Công ty thực hiện chia cổ tức với số tiền là VND 5.000.000.000 căn cứ theo Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2018/BB-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 4 năm 2018 là 10% mệnh giá cổ phiếu phổ thông (tương đương 1.000 Đồng Việt Nam trên một cổ phiếu phổ thông năm giữ).

**23 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<b>2018 VND</b>	<b>2017 VND</b>
Ngoại tệ các loại	<u>176.082.382</u>	<u>166.368.998</u>

Khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm bao gồm số ngoại tệ là 7.599 Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 7.599 Đô la Mỹ).

**24 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>2018 VND</b>	<b>2017 VND</b>
<b>Doanh thu</b>		
Doanh thu bán thành phẩm	310.596.167.512	248.910.875.275
Doanh thu bán hàng hóa	65.842.138.687	54.025.416.936
Doanh thu cho thuê kho	1.516.200.000	1.605.563.640
	<u>377.954.506.199</u>	<u>304.541.855.851</u>
<b>Các khoản giảm trừ</b>		
Chiết khấu thương mại	(2.199.855.507)	(394.750.758)
Hàng bán trả lại	(491.757.955)	(155.208.949)
	<u>(2.691.613.462)</u>	<u>(549.959.707)</u>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu thuần về bán thành phẩm	307.904.554.050	248.360.915.568
Doanh thu thuần về bán hàng hóa	65.842.138.687	54.025.416.936
Doanh thu thuần về cho thuê	1.516.200.000	1.605.563.640
	<u>375.262.892.737</u>	<u>303.991.896.144</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018**
**25 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>2018 VND</b>	<b>2017 VND</b>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	242.711.906.176	193.099.671.222
Giá vốn của hàng hóa đã bán	42.756.159.702	36.147.495.695
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.500.163.574	2.573.675.671
	<u>286.968.229.452</u>	<u>231.820.842.588</u>

**26 DOANH THU TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>2018 VND</b>	<b>2017 VND</b>
Lãi tiền gửi	567.679.943	819.164.289
Lãi bán chứng khoán kinh doanh	4.499.178.758	-
Lãi thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	9.713.384	-
Cổ tức được nhận	68.069.290	64.792.800
	<u>5.144.641.375</u>	<u>883.957.089</u>

**27 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>2018 VND</b>	<b>2017 VND</b>
Lãi tiền vay	219.152.185	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(262.580.200)	(3.024.400.000)
Chi phí tài chính khác	141.927.302	484.000
	<u>98.499.287</u>	<u>(3.023.916.000)</u>

**28 CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	<b>2018 VND</b>	<b>2017 VND</b>
Chi phí nhân viên	48.351.918.874	32.001.024.280
Chi phí khấu hao TSCĐ	49.035.360	35.756.088
Chi phí vận chuyển, bốc dỡ hàng hóa	5.559.977.847	4.535.949.405
Chi phí hỗ trợ nhà phân phối	9.832.265.848	7.680.376.730
Chi phí quảng cáo, tiếp thị bán hàng	953.295.827	586.648.533
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.631.859.487	1.496.903.309
Công tác phí	5.285.165.243	3.870.986.294
Chi phí khác	1.391.401.074	1.282.013.033
	<u>74.054.919.560</u>	<u>51.489.657.672</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018**

**29 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>2018 VND</b>	<b>2017 VND</b>
Chi phí nhân viên	11.083.410.087	13.269.304.587
Chi phí khấu hao TSCĐ	587.066.527	894.603.617
Thuế, phí và lệ phí	1.284.197.035	611.069.573
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	5.893.054.352	3.903.388.864
Công tác phí	3.203.730.089	985.877.948
Chi phí khác	5.617.517.261	4.231.279.256
	<u>27.668.975.351</u>	<u>23.895.523.845</u>

**30 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% được thể hiện như sau:

	<b>2018 VND</b>	<b>2017 VND</b>
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	(7.306.441.581)	421.223.857
Thuế tính ở thuế suất 20%	(1.461.288.316)	84.244.771
Điều chỉnh:		
- Chi phí không được khấu trừ	166.855.507	221.043.426
- Lỗ tính thuế mà không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.294.432.809	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp thiếu của năm trước	20.000.000	228.194.025
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	<u>20.000.000</u>	<u>533.482.222</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành	20.000.000	533.482.222
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hoãn lại	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>20.000.000</u>	<u>533.482.222</u>

(\*) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018**

**31 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>2018 VND</b>	<b>2017 VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	201.328.776.323	160.856.307.088
Chi phí nhân viên	92.926.696.106	66.096.670.933
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.548.176.691	5.538.709.314
Chi phí vận chuyển	5.559.977.847	4.535.949.405
Chi phí hỗ trợ nhà phân phối	9.832.265.848	7.680.376.730
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.541.103.762	9.440.990.795
Chi phí khác	19.112.499.265	13.551.125.637
	<b>346.849.495.842</b>	<b>267.700.129.902</b>

**32 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**(a) Giao dịch với các bên liên quan**

Trong năm, các giao dịch chủ yếu sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	<b>2018 VND</b>	<b>2017 VND</b>
<b>i) Doanh thu bán hàng và dịch vụ</b>		
Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long – Đà Nẵng		
– Công ty con	55.353.000	63.399.061
<b>ii) Mua hàng hóa và dịch vụ</b>		
Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long – Đà Nẵng		
– Công ty con	52.087.429.520	39.842.593.820
<b>iii) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt</b>		
Lương và các quyền lợi gộp khác	5.743.092.408	4.337.370.406
<b>iv) Các hoạt động tài chính</b>		
Chia cổ tức cho cổ đông:		
- Cổ đông thuộc nhà nước	1.387.360.000	693.680.000
- Các cổ đông khác	3.612.640.000	1.806.320.000
	<b>5.000.000.000</b>	<b>2.500.000.000</b>
<b>v) Khác</b>		
Tạm ứng công tác phí và chi phí tiếp khách	-	520.000.000



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018**

**32 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

**(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan**

	2018 VND	2017 VND
<i>i) Phải thu ngắn hạn khách hàng (Thuyết minh 5(a))</i>		
Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long – Đà Nẵng		
– Công ty con	793.617.590	793.617.590
<i>ii) Phải thu dài hạn khách hàng (Thuyết minh 5(b))</i>		
Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long – Đà Nẵng		
– Công ty con	3.174.470.361	3.968.087.951
<i>iii) Các khoản phải thu ngắn hạn khác</i>		
Tạm ứng công tác phí và chi phí tiếp khách	-	520.000.000
<i>iv) Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh 4(b))</i>		
Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long – Đà Nẵng		
– Công ty con	15.000.000.000	15.000.000.000
Trường mầm non Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long		
– Công ty con	110.926.449	110.926.449
	15.110.926.449	15.110.926.449
<i>v) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 12)</i>		
Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long – Đà Nẵng		
– Công ty con	12.002.652.044	17.028.208.350
<i>vi) Các khoản phải trả ngắn hạn khác</i>		
Cổ đông (Thuyết minh 22)	67.739.500	66.351.500
Trường mầm non Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long		
– Công ty con (Thuyết minh 15)	800.000.000	800.000.000
	867.739.500	866.351.500

**33 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

	2018 VND	2017 VND
Dưới 1 năm	1.258.483.990	1.096.805.280
Từ 1 đến 5 năm	303.846.525	1.445.404.840
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	1.562.330.515	2.542.210.120

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018**

**34 CAM KẾT VỐN**

Các cam kết về chi tiêu tạo lập tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính như sau:

	2018 VND	2017 VND
Mua phần mềm Hệ thống quản trị nguồn lực của Doanh nghiệp	1.256.093.000	147.000.000

**35 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Bảng cân đối kế toán riêng (chỉ tiêu bị ảnh hưởng)

Mã số	Tại ngày 31.12.2017 (số liệu đã báo cáo năm trước) VND	Phân loại lại VND	Tại ngày 31.12.2017 (Trình bày lại) VND
313 Thuê và các khoản phải nộp Nhà nước (Thuyết minh 13)	2.330.786.293	5.098.254.250	7.429.040.543
321 Dự phòng phải trả ngắn hạn	5.098.254.250	(5.098.254.250)	-

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được Tổng Giám đốc phê chuẩn ngày 22 tháng 3 năm 2019.

Vũ Thị Hương Quỳnh  
Kế toán trưởng/Người lập



Kek Chin Ann  
Tổng Giám đốc  
Chữ ký được ủy quyền